TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2019/DS-PT
Ngày: 14-11-2019
V/v T/c HĐ mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Thẩm phán: Ông Lưu Văn Uẩn

Ông Huỳnh Tuấn Khải

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Tuyến, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (hàng hóa)".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 334/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T.

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn S, sinh năm 1978 và bà Lâm Thị Bích L, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh L.

Bà Lâm Thị Bích L ủy quyền cho ông Phan Văn S tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 12/11/2019 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, số chứng thực 557.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Văn S.

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

(Ông T và ông S có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2019 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L, nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T trình bày tóm tắt như sau:

Ông Phan Văn S, bà Lâm Thị Bích L có đến mua phân và thuốc bảo vệ thực vật về phục vụ sản xuất lúa. Sau đó, đối chiếu sổ mua bán thì ông S, bà L còn nợ như sau:

1. Từ ngày 22/09/2016 đến ngày 18/10/2017, ông S và bà L mua phân, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ số tiền là 276.936.000 đồng.

2. Từ ngày 13/11/2017 đến ngày 07/05/2018, ông S và bà L mua phân, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ số tiền là 35.000.000 đồng.

Khi mua bán từng năm, ông T có lập sổ theo dõi và giao cho ông S, bà L 02 quyển sổ để theo dõi số lượng phân bón, thuốc trừ sâu, các bên thỏa thuận sau khi thu hoạch lúa không trả tiền thì tính lãi suất chậm trả 2% tháng. Ngày đối chiếu chốt sổ là ngày ông S, bà L đã thu hoạch lúa nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Nay ông T yêu cầu ông S, bà L liên đới trả số tiền mua còn nợ là 311.936.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi suất chậm trả, cụ thể:

- Số tiền 276.936.000 đồng, mức lãi suất chậm trả là 0,75% tháng, thời hạn tính lãi suất từ ngày 18/10/2017 cho đến ngày xét xử là 22 tháng 09 ngày (276.936.000 đồng x 0,75% x 22 tháng 09 ngày = 46.317.546 đồng) thành tiền tính tròn là 46.317.000 đồng.

- Số tiền 35.000.000 đồng, mức lãi suất chậm trả là 0,75% tháng, thời hạn tính lãi suất từ ngày 05/05/2018 cho đến ngày xét xử là 15 tháng 22 ngày (35.000.000 đồng x 0,75% x 15 tháng 22 ngày = 4.130.000 đồng) thành tiền là 4.130.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng ông S, bà L phải liên đới trả tổng số tiền là 362.383.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/3/2019, ngày 11/4/2019 của bị đơn Phan Văn S (ông S còn là đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị Bích L) trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng ông có mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông T về phục vụ sản xuất vụ lúa Đông xuân và Hè thu. Khi mua bán, ông Tài có giao 02 cuốn sổ để theo dõi mua bán, 01 cuốn ghi năm 2017 thì còn nợ 211.046.000 đồng, 01 cuốn ghi năm 2018 còn nợ 35.000.000 đồng. Tổng cộng, còn nợ 246.046.000 đồng, trong mua bán có thỏa thuận tính lãi suất do chậm trả tiền sau khi thu hoạch lúa, nhưng do lúa bị thất mùa nên chưa trả tiền cho ông T. Nay vợ chồng ông đồng ý trả số tiền 246.046.000 đồng cho ông T và không đồng ý trả tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên, nhưng kết quả không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39,147 và 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 428, 429, 431, 438 và 298 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Phan Văn S, bà Lâm Thị Bích L về việc tranh chấp"*Hợp đồng mua bán tài sản*".

Ông Phan Văn S, bà Lâm Thị Bích L phải liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền là 362.383.000 đồng (311.936.000 đồng tiền nợ mua bán + 50.447.000 đồng tiền lãi = 362.383.000 đồng).

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về chi phí giám định: Ông S phải chịu chi phí giám định là 5.000.000 đồng, ông S đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

3. Về án phí: Ông S, bà L phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.119.000 đồng. Ông T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho ông T 10.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008591 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, ông Phan Văn S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, ông thừa nhận chỉ còn nợ tiền mua phân thuốc của ông T là 246.046.000 đồng, ông đồng ý trả số tiền 246.046.000 đồng cho ông T nhưng xin được trả dần và không tính lãi suất.

Ngày 25/9/2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định kháng nghị số 124/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đối với số tiền nợ gốc năm 2017 cần buộc ông S, bà L liên đới trách nhiệm hoàn trả cho ông T 211.046.000 đồng và nợ gốc năm 2018 là 35.000.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản là 246.046.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An giữ nguyên kháng nghị, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Phan Văn S xác định chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền nợ mua phân thuốc năm 2017 là 211.046.000 đồng, tiền nợ mua phân thuốc năm 2018 là 35.000.000 đồng, nhưng xin trả dần số tiền trên trong thời hạn 05 năm và xin miễn trả lãi. Ông S cũng xác định khi thỏa thuận mua phân thuốc từ ông T thì hai bên có thỏa thuận lãi suất do chậm trả tiền là 2%/tháng, thời hạn trả tiền là sau khi thu hoạch lúa, ông cũng đã trả lãi cho phía ông T được 20.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T không đồng ý với toàn bộ kháng cáo của ông S và đề nghị giữ nguyên như án sơ thẩm đã xử. Ông T xác định khoản tiền nợ mua phân thuốc của vợ chồng ông S của năm 2017 sau khi trừ các khoản đã trả phải là 276.936.000 đồng.

Bởi vì, khi đối chiếu sổ ngày 03/3/2017 thì khoản nợ còn lại của ông S, bà L là 261.046.000 đồng. Sau đó đến ngày 26/6/2017 ông S có trả được 50.000.000 đồng, nhưng phía ông S, bà L tiếp tục mua hàng trong năm 2017 với số tiền khoảng 100.000.000 đồng, nên số tiền còn nợ lại phải là 276.936.000 đồng. Đối với khoản nợ năm 2018 mà ông S mua phân thuốc là 35.000.000 đồng thì ông thống nhất với trình bày của ông S.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông S và kháng nghị của Viện Kiểm sát được thực hiện đúng thủ tục luật định, đủ điều kiện để vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có cơ sở, bởi theo sổ sách mua bán mà ông S cung cấp và sự thừa nhận của ông S thể hiện tính đến ngày 03/3/2017 phía ông S, bà L chỉ còn nợ ông T 261.046.000 đồng. Sau đó, phía ông S đã trả cho vợ ông T được 50.000.000 đồng vào ngày 26/6/2017, nên về nợ năm 2017 phía ông S chỉ còn nợ lại 211.046.000 đồng. Ông T cho rằng sau ngày 03/3/2017, ngoài số tiền thiếu 261.046.000 đồng thì phía ông S có mua thêm phân bón, thuốc trừ sâu trị giá khoảng 100.000.000đ nhưng không có chứng cứ rõ ràng để chứng minh, nên không thể chấp nhận. Về kháng cáo xin trả dần và xin miễn trả lãi của ông S không được ông T đồng ý, pháp luật cũng không quy định việc cho trả dần và miễn trả lãi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện Kiểm sát và một phần kháng cáo của ông S, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng: Kháng cáo của anh S và kháng nghị của Viện Kiểm sát được thực hiện đúng thời hạn, đúng thủ tục luật định, nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn T có đăng ký kinh doanh mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và lúa giống các loại với tư cách là Hộ kinh doanh cá thể, được Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Tân Hưng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh cá thể lần đầu vào năm 2010, đăng ký lại lần 2 năm 2019 với tên gọi là: Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T. Như vậy, khi ông T khởi kiện tranh chấp liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa xuất phát từ việc kinh doanh của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T, thì phải xác định nguyên đơn trong vụ án là: Ông Nguyễn Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T mới đúng. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm điều chỉnh lại một phần tư cách tố tụng của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Phan Văn S và kháng nghị của Viện Kiểm sát liên quan đến nội dung cho rằng ông S chỉ còn nợ tiền mua phân thuốc của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T năm 2017 là 211.046.000 đồng, năm 2018 là 35.000.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản là 246.046.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

+ Đối với khoản nợ năm 2018: Ông T và ông S, bà L đều thống nhất phía ông S, bà L còn thiếu nợ tiền mua phân thuốc của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T là 35.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử xác định khoản nợ tiền mua phân thuốc của năm 2018 mà ông S nợ ông T là 35.000.000 đồng.

+ Đối với khoản nợ năm 2017: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và ông S đều thừa nhận là việc hai bên mua bán phân thuốc có lập sổ mua hàng giao cho bên mua, ghi rõ số lượng hàng và số tiền nợ. Theo sổ mua hàng năm 2017 (từ bút lục 31 đến bút lục 34) do ông S cung cấp thì tính đến ngày 03/3/2017 phía ông S chỉ còn nợ ông T 261.046.000 đồng. Phần tài liệu là trang sổ do ông T cung cấp (bút lục 128) cũng thể hiện tính đến ngày 03/3/2017 phía ông S chỉ còn nợ ông T 261.000.000 đồng. Theo nội dung hóa đơn ngày 26/6/2017 (bút lục 30), phía ông T có nhận 50.000.000 đồng trả nợ từ phía ông S, nên có căn cứ xác định tính đến hết ngày 26/6/2017, ông S chỉ còn nợ ông T tiền mua phân thuốc là 211.046.000 đồng. Ông T cho rằng sau ngày 03/3/2017, ngoài số tiền thiếu 261.046.000 đồng và đã trả được 50.000.000 đồng vào ngày 26/6/2017 thì phía ông S có mua thêm phân bón, thuốc trừ sâu trị giá khoảng 100.000.000 đồng, nên khoản tiền nợ còn lại phải là 276.936.000 đồng nhưng không có chứng cứ rõ ràng để chứng minh, trong khi nội dung tài liệu là trang sổ do ông T cung cấp (bút lục 131) không thể hiện được số phân thuốc ông S mua (nếu có) trị giá khoảng 100.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Như vậy, kháng cáo của ông S cũng như kháng nghị của Viện Kiểm sát về việc xác định số nợ năm 2017 của ông S, bà L đối với ông T chỉ còn 211.046.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo xin trả dần số tiền nợ gốc và xin miễn trả tiền lãi của ông Phan Văn S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không đồng ý các kháng cáo này của ông S. Trong khi ông S thừa nhận khi mua bán hai bên có thỏa thuận trả lãi theo mức lãi suất 2%/tháng, bản án sơ thẩm giải quyết theo mức lãi suất cơ bản 0,75%/tháng là đã có lợi cho ông S, bà L. Pháp luật không quy định việc trả dần hay miễn trả lãi, nên không chấp nhận kháng cáo này của ông S.

[2.3] Từ những phân tích trên, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền mà ông S, bà L phải trả cho ông Nguyễn Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T và nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm. Xác định tổng số tiền nợ gốc và lãi mà ông S, bà L phải trả cho ông Nguyễn Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T là 285.473.443 đồng. Trong đó nợ gốc của năm 2017 là 211.046.000 đồng, nợ lãi của năm 2017 *(tính từ ngày 18/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng trên số tiền nợ gốc 211.046.000 đồng)* là 35.297.443 đồng; nợ gốc của năm 2018 là 35.000.000 đồng, nợ lãi của năm 2018 *(tính từ ngày 05/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng trên số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng)* là 4.130.000 đồng.

[2.4] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T liên quan đến số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 11.019.557 đồng, tổng cộng là 61.019.557 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông S, bà L phải chịu án phí tính trên khoản tiền phải trả cho ông Nguyễn Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T, số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông S, bà L phải nộp là 14.273.672 đồng. Ông Nguyễn Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T phải chịu án phí tính trên một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T phải nộp là 3.050.977 đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu, hoàn lại cho ông S khoản tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp.

[5] Các khoản khác của bản án sơ thẩm như nghĩa vụ chịu chi phí giám định tại cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và một phần kháng cáo của ông Phan Văn S.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T.

Buộc ông Phan Văn S, bà Lâm Thị Bích L liên đới trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T số tiền 285.473.443 đồng, trong đó nợ gốc là 246.046.000 đồng, nợ lãi là 39.427.443 đồng.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T liên quan đến số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi là 11.019.557 đồng, tổng cộng là 61.019.557 đồng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phan Văn S, bà Lâm Thị Bích L liên đới trách nhiệm nộp số tiền 14.273.672 đồng án phí sung ngân sách Nhà nước. Buộc ông Nguyễn Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T phải nộp là 3.050.977 đồng án phí sung ngân sách Nhà nước. Chuyển khoản tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 10.375.000 đồng theo biên lai thu số 0008591 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An sang thi hành án phí cho ông Nguyễn Văn T – Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T, nên hoàn lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 7.324.023 đồng.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn S không phải chịu án phí. Hoàn lại cho ông S số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008898 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Hưng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Văn Khánh